

Bản án số: 260/2025/DS-PT

Ngày: 22 - 7 - 2025

V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung.

Ông Nguyễn A Đam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc: Tranh chấp hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 122/2025/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồng Thị H1. Sinh năm: 1989 (vắng).

Bị đơn: 1. Bà Nguyễn Thị H2. Sinh năm: 1976 (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn B. Sinh năm: 1968 (vắng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn L. Sinh năm: 1988 (vắng).

Bà H1, bà H2, ông B và ông L cùng địa chỉ: Ấp Ô, xã K, huyện T, tỉnh C (nay là ấp O, xã K, tỉnh C).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H2, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/01/2025, lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Vào ngày 20/10/2021 âm lịch vợ chồng bị đơn mở 01 dây hui loại 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, hui gồm có 32 chung, vợ chồng nguyên đơn tham gia chơi 01 chung (danh sách hui tên Lắm), dây hui này thoả thuận chủ hui được hưởng

hoa hồng 1.000.000 đồng trên mỗi kỳ khai hội. Quá trình khai hội vợ chồng nguyên đơn đóng được 21 kỳ hội sống đến ngày 20/5/2023 âm lịch vợ chồng bị đơn tuyên bố đình hội. Dây hội này tính vốn và lãi hội thì vợ chồng nguyên đơn được hưởng số tiền 42.000.000 đồng (21 kỳ x 2.000.000 đồng).

Vào ngày 25/8/2022 âm lịch vợ chồng bị đơn mở 01 dây hội loại 2.000.000 đồng, 01 tháng khai 01 lần, hội gồm có 24 chung, vợ chồng nguyên đơn tham gia 01 chung (danh sách hội tên Lắm). Quá trình khai hội vợ chồng nguyên đơn đã hốt hội được số tiền 29.400.000 đồng (đã trừ cò), vợ chồng bị đơn đã giao tiền hội 24.400.000 đồng (còn nợ lại 5.000.000 đồng cho đến nay chưa giao). Sau khi hốt hội thì vợ chồng nguyên đơn còn nợ đến mãn hội là 13 kỳ hội chưa đóng (hội đã mãn), thời điểm không đóng hội kể từ ngày 25/10/2023 âm lịch.

Như vậy, dây hội khai ngày 20/10/2021 âm lịch vợ chồng bị đơn còn nợ 41.000.000 đồng (đã trừ cò 1000.000 đồng) và lãi chậm trả (41.000.000 đồng x lãi suất 20%/năm x thời gian từ ngày 20/5/2023 âm lịch đến ngày 06/3/2025 (nhằm ngày 07/02/2025 âm lịch)) và dây hội khai ngày 25/8/2022 âm lịch vợ chồng bị đơn còn nợ 5.000.000 đồng và lãi chậm trả (5.000.000 đồng x lãi suất 20%/năm x thời gian từ ngày 25/10/2023 âm lịch đến ngày 06/3/2025 (nhằm ngày 07/02/2025 âm lịch)), vợ chồng nguyên đơn còn nợ lại vợ chồng bị đơn 26.000.000 đồng (đồng ý hoàn trả và trả lãi chậm trả theo quy định kể từ ngày 25/10/2023 âm lịch đến ngày 06/3/2025 (nhằm ngày 07/02/2025 âm lịch)).

Tổng số tiền lãi hội chậm trả vợ chồng nguyên đơn yêu cầu là 16.900.000 đồng.

Nay yêu cầu Toà án buộc vợ chồng bị đơn trả số tiền hội 46.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tiền hội 16.900.000 đồng; đồng ý trả lại cho vợ chồng bà H2 26.000.000 đồng tiền hội và tiền lãi chậm trả theo quy định.

- Theo đơn phản tố ngày 19/12/2024, lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Bà H2 thống nhất với toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn về thời gian khai hội, số chung hội của các dây hội, số chung hội vợ chồng nguyên đơn tham gia, quá trình khai hội, cũng như việc đình hội. Bà H2 xác định hội là do cá nhân bà thực hiện, mục đích khai hội kiếm lời là để chi xài cho cá nhân bà, chứ không liên quan đến ông B, nhưng việc khai hội thì ông B có biết, còn việc chơi cụ thể như thế nào thì ông B hoàn toàn không biết.

Dây hội khai ngày 20/10/2021 âm lịch bà H2 thừa nhận còn nợ vợ chồng nguyên đơn 41.000.000 đồng (đã trừ cò).

Dây hội khai ngày 25/8/2022 âm lịch thừa nhận có thiếu tiền chung hội là 5.000.000 đồng (khoản tiền này bà H2 đã dùng tiền đóng thay hội cho vợ chồng nguyên đơn ở 03 kỳ hội), dây hội này vợ chồng nguyên đơn còn nợ hội chết 13 lần bằng 26.000.000 đồng. Như vậy, dây hội này vợ chồng nguyên đơn còn nợ 21.000.000 đồng (đối với số tiền hội này bà H2 đi vay mượn của nhiều người để đóng hội thay cho vợ chồng nguyên đơn với lãi suất 30%/tháng). Nay yêu cầu tính lãi đối với tổng số tiền 21.000.000 đồng (mỗi kỳ 2.000.000 đồng) x lãi suất

30%/tháng x thời gian bắt đầu ngày 25/01/2024 lịch tiến tới theo thời gian và cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 26.000.000 đồng.

Nay cá nhân bà H2 đồng ý trả cho vợ chồng nguyên đơn 41.000.000 đồng không trả lãi (với lý do sau khi đình hui thì vợ chồng nguyên đơn không vô bất thăm để được trả hui); yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng nguyên đơn trả số tiền hui 47.000.000 đồng (trong đó, tiền hui chết 21.000.000 đồng, tiền lãi hui chậm trả là 26.000.000 đồng).

- Lời trình bày của ông L có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của bà H1, đồng ý giao toàn quyền yêu cầu và định đoạt cho bà H1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 122/2025/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

- Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồng Thị H1.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H2 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Hồng Thị H1 tổng số tiền 61.767.776 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồng Thị H1, đối với số tiền 1.132.224 đồng.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị H2, về việc yêu cầu vợ chồng nguyên đơn trả số tiền 52.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H2 có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thanh toán, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, bà Nguyễn Thị H2 là bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm, theo hướng chấp nhận kháng cáo của bà, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H1 vì bà không có thỏa thuận chơi hui với bà H1, không có thiếu tiền bà H1. Trường hợp đối trừ với ông L thì buộc ông L trả lại bà H2 10.000.000 đồng, không đồng ý việc trả cho bà H1 61.767.776 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn bà H2 trình bày: giữ nguyên nội dung kháng cáo, căn cứ kháng cáo: giấy hui ghi tên ông L (chồng bà H1) chứ không ghi tên bà H1. Ông L vô hai chung hui trong hai dây hui 2.000.000 đồng, dây hui thứ nhất khai ngày 20/10/2021, ông L đóng được 13 kỳ thì hốt hui; dây hui thứ hai khai ngày 25/8/2022 ông L đóng được 21 kỳ; đối với dây hui thứ nhất, sau khi hốt hui Lầm không đóng hui chết và nhờ bà H2 vay tiền người khác để đóng hui chết; nếu khấu trừ tiền dây hui sống và hui chết thì Lầm phải hoàn trả lại cho bà H2 10.000.000 đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà H2, sửa bản án sơ thẩm vì bà H1 không có quyền khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với các đương sự: bà Hồng Thị H1, ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H2 nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H2 yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Qua xem xét hồ sơ vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 20/02/2025 (bút lục 57), bà H2 thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn bà H1 về thời gian khai hui, số chung hui vợ chồng bà H1 tham gia, việc đình hui; đây hui ngày 20/10/2021 (âm lịch) bà H2 thừa nhận còn thiếu vợ chồng bà H1 41.000.000 đồng (đã trừ tiền cò); do đó, bà H1 kiện yêu cầu thanh toán tiền hui là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà H2 xác nhận việc tham gia hui, giữa chủ hui và hui viên có thỏa thuận về việc chịu lãi, trường hợp hui viên đóng hui trễ hoặc chủ hui chậm giao tiền hui thì phải chịu lãi suất; theo hồ sơ thể hiện, vợ chồng bà H1 có một chung hui sống, nếu tính đến ngày 20/5/2023 (al) thì bà H2 phải giao cho bà H1 41.000.000 đồng nhưng bà H2 không giao, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, xâm hại đến quyền lợi của hui viên, do đó, căn cứ vào thỏa thuận giữa các đương sự tại thời điểm giao dịch và căn cứ khoản 2 Điều 476, 479 Bộ luật dân sự, cấp sơ thẩm buộc bà H2 trả lãi suất cho bà H1 là phù hợp.

Về trách nhiệm thanh toán: bà H2 cho rằng không liên quan đến ông Nguyễn Văn B vì bà làm chủ hui tạo thu nhập vì mục đích chi xài cá nhân chứ không sử dụng cho gia đình. Nhận thấy, bà H2 ông B là vợ chồng; giao dịch hui diễn ra thời gian dài và trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng bà H2, bà H2 cho rằng tiền lãi hui vì mục đích cá nhân nhưng bà không cung cấp được chứng cứ để chứng minh là sử dụng cho cá nhân nên bà H2, ông B phải cùng chịu trách nhiệm là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình về Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng.

[4] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà H2 vì lý do bà H1 không có quyền khởi kiện. Nhận thấy, bà H1, ông L là vợ chồng, cho nên giấy hui chỉ cần ghi tên vợ hoặc chồng chứ không nhất thiết phải ghi tên vợ chồng; mặt khác, tại hồ sơ vụ án, ông L đồng ý với yêu cầu của bà H1 khởi kiện về việc yêu

cầu bà H2, ông B thanh toán tiền hui. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm đương sự phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H2; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 122/2025/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồng Thị H1.

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H2 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Hồng Thị H1 tổng số tiền 61.767.776 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồng Thị H1, đối với số tiền 1.132.224 đồng.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị H2, về việc yêu cầu vợ chồng nguyên đơn trả số tiền 52.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H2 có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả các khoản tiền nói trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với các khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch

- Buộc bà Hồng Thị H1 phải nộp án phí 300.0000 đồng, bà Hồng Thị H1 đã nộp tiền tạm ứng án phí là 1.050.000 đồng theo Biên lai thu số: 0005934 ngày 25/11/2024 và 423.000 đồng theo Biên lai thu số: 0005135 ngày 17/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Cà Mau), được đối trừ, bà Hồng Thị H1 được hoàn lại số là 1.173.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị H2 đã nộp tiền tạm ứng án phí 1.300.000 đồng theo Biên lai thu số: 0005142 ngày 22/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Cà Mau), được sung vào công quỹ nhà nước.

- Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H2 phải nộp án phí 3.088.389 đồng (chưa nộp).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà H2 phải chịu 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị H2 đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số: 0005463 ngày 14/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Cà Mau), được chuyển thu án phí.

5. Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cà Mau;
- TAND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền